

Phụ lục III
KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 CỦA HUYỆN M'DRẮK
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
				Thị trấn M'Drắk	Xã Cư Prao	Xã Ea Pil	Xã Krông Jing	Xã Cư M'ta	Xã Cư Króa	Xã Ea Trang
	Tổng diện tích tự nhiên		342,28	10,28	18,15	0,15	0,25	10,00	300,01	3,44
1	Đất nông nghiệp	NNP	340,40	10,28	18,15	0,12	0,19	10,00	298,22	3,44
1.1	Đất trồng lúa	LUA	19,52	9,50				10,00		0,02
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	19,52	9,50				10,00		0,02
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	42,74		18,15	0,12	0,12		23,20	1,15
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0,78	0,78						
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	277,36				0,07		275,02	2,27
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1,88			0,03	0,06		1,79	
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,06			0,03	0,03			
2.2	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	0,04						0,04	
2.2.1	Đất công trình giao thông	DGT	0,04						0,04	
2.3	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	0,03				0,03			
2.4	Đất mặt nước chuyên dùng	TVC	1,75						1,75	